

Số: 15/VBHN-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2024

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU GỖ

Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ¹.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định cụ thể về phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ (sau đây viết tắt là phân loại doanh nghiệp).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với doanh nghiệp có hoạt động chế biến đồng thời với hoạt động xuất khẩu gỗ (sau đây viết tắt là doanh nghiệp); tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến nội dung quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Điều 3. Nguyên tắc phân loại doanh nghiệp

1. Phân loại doanh nghiệp phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (sau đây viết tắt là Nghị định số 102/2020/NĐ-CP) và Thông tư này.
2. Doanh nghiệp tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về tài liệu chứng minh tuân thủ tiêu chí phân loại doanh nghiệp. Cơ quan tiếp nhận kiểm tra, xác minh khi có nghi ngờ những thông tin do doanh nghiệp tự kê khai; xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Chương II

ĐĂNG KÝ VÀ PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP

Điều 4. Đăng ký phân loại doanh nghiệp

Doanh nghiệp đăng ký phân loại với Cơ quan tiếp nhận bằng một trong hai hình thức sau:

1. Hình thức trực tuyến: Doanh nghiệp truy cập vào Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử www.kiemlam.org.vn để đăng ký theo hướng dẫn của Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp.

2. Hình thức trực tiếp:

a) Trường hợp doanh nghiệp không ứng dụng được Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp thì gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Cơ quan tiếp nhận.

Hồ sơ gồm: Đề nghị phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, Bảng kê khai phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ theo Mẫu số 08 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP, tài liệu chứng minh tuân thủ tiêu chí phân loại doanh nghiệp theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Cơ quan tiếp nhận nhập hồ sơ của doanh nghiệp vào Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp; thông báo đến doanh nghiệp kết quả tiếp nhận đăng ký phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; lưu trữ tài liệu đăng ký theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời gian chưa xây dựng và áp dụng Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp thì thực hiện phân loại trực tiếp như sau:

a) Doanh nghiệp gửi hồ sơ trực tiếp tại Cơ quan tiếp nhận theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Cơ quan tiếp nhận nhận hồ sơ; thông báo đến doanh nghiệp kết quả tiếp nhận đăng ký phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; thực hiện phân loại doanh nghiệp theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP và Điều 5, khoản 1 Điều 6 Thông tư này; gửi ngay kết quả phân loại qua thư điện tử về Cục Kiểm lâm và lưu trữ tài liệu đăng ký theo quy định của pháp luật;

c) Cục Kiểm lâm công bố danh sách doanh nghiệp Nhóm I theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

Điều 5. Xác minh thông tin kê khai

1. Các trường hợp xác minh thông tin:

a) Tài liệu kê khai của doanh nghiệp có dấu hiệu sửa chữa, tẩy xóa, làm giả; nội dung tài liệu kê khai mâu thuẫn, không thống nhất;

b) Có thông tin theo quy định của pháp luật về việc doanh nghiệp kê khai không trung thực một trong các tiêu chí phân loại doanh nghiệp.

2. Nguồn thông tin để xác minh:

a) Đối với tiêu chí tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong việc thành lập và hoạt động ít nhất 01 năm kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp: Căn cứ nguồn thông tin từ Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp www.dangkykinhdoanh.gov.vn; thông tin từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

b) Đối với tiêu chí tuân thủ quy định của pháp luật về môi trường: Căn cứ nguồn thông tin từ cơ quan quản lý nhà nước về Tài nguyên và môi trường; cơ quan Cảnh sát môi trường; thông tin từ hoạt động quản lý địa bàn của cơ quan Kiểm lâm sở tại; thông tin từ các tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

c) Đối với tiêu chí tuân thủ quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy: Căn cứ nguồn thông tin từ cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy; thông tin từ hoạt động quản lý địa bàn của cơ quan Kiểm lâm sở tại; thông tin từ các tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

d) Đối với tiêu chí tuân thủ quy định của pháp luật về thuế và lao động: Căn cứ nguồn thông tin từ cơ quan Thuế, cơ quan Lao động và Thương binh xã hội, cơ quan Bảo hiểm xã hội, cơ quan Liên đoàn lao động; thông tin từ hoạt động quản lý địa bàn của cơ quan Kiểm lâm sở tại; thông tin từ các tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

đ) Đối với tiêu chí tuân thủ quy định của pháp luật về bảo đảm gỡ hợp pháp; tiêu chí tuân thủ chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP và

lưu giữ hồ sơ gốc theo quy định của pháp luật; tiêu chí không vi phạm pháp luật đến mức phải xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP: Căn cứ nguồn thông tin từ hoạt động quản lý địa bàn của cơ quan Kiểm lâm sở tại; thông tin trên Cơ sở dữ liệu vi phạm pháp luật trong lĩnh vực Lâm nghiệp (sau đây viết tắt là Cơ sở dữ liệu vi phạm); thông tin từ các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Thực hiện xác minh:

a) Cơ quan tiếp nhận thông báo trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp đến doanh nghiệp thời gian, nội dung cần xác minh. Trường hợp không áp dụng được Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp thì gửi thông báo cho doanh nghiệp theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Cơ quan tiếp nhận trực tiếp thực hiện hoặc phối hợp với cơ quan có liên quan (trong trường hợp cần thiết), thực hiện xác minh và lập Biên bản xác minh theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Trường hợp xác minh ngoài địa phương cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký phân loại: Cơ quan tiếp nhận gửi nội dung cần xác minh đến Cơ quan tiếp nhận tại địa phương nơi cần xác minh để thực hiện xác minh theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này. Cơ quan tiếp nhận thực hiện việc xác minh, thông báo kết quả xác minh đến Cơ quan tiếp nhận nơi doanh nghiệp đăng ký phân loại doanh nghiệp.

Điều 6. Công bố kết quả phân loại doanh nghiệp

1. Cơ quan tiếp nhận xếp loại và thông báo kết quả phân loại doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp. Trường hợp không áp dụng được Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp thì gửi thông báo kết quả phân loại cho doanh nghiệp theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp được phân loại là doanh nghiệp Nhóm I theo quy định tại khoản 1 Điều này, Cục Kiểm lâm công bố kết quả phân loại doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử www.kiemlam.org.vn.

Điều 7. Chuyển loại, phân loại lại doanh nghiệp

1. Chuyển loại doanh nghiệp:

a) Trường hợp chuyển loại doanh nghiệp: Doanh nghiệp Nhóm I hoặc người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp Nhóm I bị xử lý hình sự theo quy định tại Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà chưa được xóa án tích hoặc có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính;

b) Cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm xác minh thông tin quy định tại khoản 1 Điều này để loại bỏ tên doanh nghiệp ra khỏi danh sách Nhóm I trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp. Trường hợp không ứng dụng được Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp, Cơ quan tiếp nhận thông báo cho doanh nghiệp theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và gửi ngay kết quả chuyển loại doanh nghiệp qua thư điện tử về Cục Kiểm lâm.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin từ Cơ quan tiếp nhận qua Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp, Cục Kiểm lâm công bố kết quả chuyển loại doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử www.kieumlam.org.vn.

2. Phân loại lại doanh nghiệp:

a) Doanh nghiệp có trách nhiệm tự kê khai phân loại doanh nghiệp lần hai, lần ba và các lần kế tiếp theo quy định tại Điều 4 Thông tư này;

b) Cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm phân loại doanh nghiệp lần hai, lần ba và các lần kế tiếp như thực hiện phân loại doanh nghiệp lần đầu. Cục Kiểm lâm công bố kết quả phân loại lại doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

Chương III

HỆ THỐNG THÔNG TIN PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU VI PHẠM

Điều 8. Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp

1. Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp được xây dựng theo quy định của pháp luật; ứng dụng để tiếp nhận, lưu trữ thông tin và phân loại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 102/2020/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này.

2. Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp có khả năng thay đổi để phù hợp với các quy định hiện hành; phục vụ cho việc phân loại doanh nghiệp thuận lợi, chính xác, kịp thời; hoạt động trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, bảo đảm phân quyền truy cập, tính bảo mật cao.

3. Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp được xây dựng và vận hành trên môi trường trực tuyến, có giao diện thân thiện với người dùng, phù hợp với thực tiễn, dễ thực hiện trong việc kê khai, tiếp nhận, xử lý hồ sơ; bảo đảm vận hành liên tục, không bị gián đoạn.

4. Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp có khả năng chia sẻ thông tin với hệ thống cơ sở dữ liệu có liên quan: Hệ thống cấp giấy phép FLEGT, Hệ thống quản lý rủi ro trong lĩnh vực Hải quan và các hệ thống thông tin liên quan khác.

5. Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an ninh mạng, công nghệ thông tin, bảo vệ bí mật an toàn thông tin và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 9. Cơ sở dữ liệu vi phạm

1. Cơ sở dữ liệu vi phạm được xây dựng để tập hợp, lưu trữ dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính, hình sự trong lĩnh vực Lâm nghiệp theo quy định của pháp luật; cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng trên môi trường điện tử.
2. Cơ sở dữ liệu vi phạm được kết nối, chia sẻ thông tin với Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp để thực hiện phân loại doanh nghiệp.
3. Cơ sở dữ liệu vi phạm được khai thác để thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực Lâm nghiệp và lĩnh vực quản lý nhà nước khác có liên quan.

Điều 10. Quản lý Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu vi phạm

1. Cục Kiểm lâm: Quản lý và vận hành Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu vi phạm; chịu trách nhiệm đầu tư trang thiết bị đồng bộ; bố trí nguồn nhân lực phù hợp bảo đảm duy trì Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu vi phạm hoạt động liên tục.
2. Cơ quan tiếp nhận: Chịu trách nhiệm đầu tư trang thiết bị đồng bộ; bố trí nguồn nhân lực phù hợp bảo đảm duy trì Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu vi phạm hoạt động liên tục.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN²

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1.3 Cục Kiểm lâm

- a) Tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này trên phạm vi cả nước; hướng dẫn quản lý, sử dụng Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu vi phạm;
- b) Phối hợp với cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiểm tra, đôn đốc thực hiện;
- c) Xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp và Cơ sở dữ liệu vi phạm trước ngày 31 tháng 12 năm 2022; kiểm tra, giám sát quá trình phân loại doanh nghiệp và sự tuân thủ pháp luật về sản xuất, chế biến gỗ, xử lý vi phạm (nếu có); tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện phân loại doanh nghiệp trên phạm vi cả nước.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này trên địa bàn; xây dựng quy chế phối hợp với cơ quan có liên quan để thực hiện phân loại doanh nghiệp, phối hợp xác minh thông tin do doanh nghiệp kê khai theo quy định tại Thông tư này;

b) Chỉ đạo Cơ quan tiếp nhận: Thực hiện phân loại doanh nghiệp; kiểm tra, giám sát sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp theo thẩm quyền, xử lý vi phạm (nếu có); lưu trữ hồ sơ, bảo đảm an toàn thông tin dữ liệu trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện phân loại doanh nghiệp trên địa bàn theo quy định tại Thông tư này.

3. Doanh nghiệp: Thực hiện đầy đủ quy định về phân loại doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư này.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2022.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, giải quyết./.

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Mẫu số	Tên Mẫu
Mẫu số 01	Đề nghị phân loại doanh nghiệp
Mẫu số 02	Thông báo kết quả tiếp nhận hồ sơ đăng ký phân loại doanh nghiệp
Mẫu số 03	Thông báo xác minh thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp
Mẫu số 04	Biên bản xác minh thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp
Mẫu số 05	Thông báo kết quả phân loại/chuyển loại doanh nghiệp
Mẫu số 06	Bảng tổng hợp hồ sơ chứng minh tuân thủ quy định về nguồn gốc gỗ hợp pháp

Mẫu số 01. Đề nghị phân loại doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.. tháng.... năm

ĐỀ NGHỊ PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP

Kính gửi⁽¹⁾:

A. ĐĂNG KÝ PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Chức danh:

Tôi đại diện doanh nghiệp⁽²⁾....., đăng ký phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ với các nội dung sau:

1. Thông tin chung

Tên doanh nghiệp:.....

Mã số doanh nghiệp⁽³⁾:

Địa chỉ⁽⁴⁾:

Điện thoại liên hệ:

Địa chỉ Email:Website (nếu có):.....

2. Quy mô hoạt động doanh nghiệp (đánh dấu X vào ô thích hợp)

2.1. Doanh nghiệp không có chi nhánh/cơ sở chế biến gỗ :

2.2. Doanh nghiệp có chi nhánh/cơ sở chế biến gỗ:

Bảng kê chi nhánh/cơ sở chế biến gỗ thuộc doanh nghiệp:

TT	Tên chi nhánh/cơ sở chế biến gỗ	Địa chỉ ⁽⁴⁾	Các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ chính	Ghi chú
1				
2				
3				

...				
-----	--	--	--	--

B. CAM KẾT TUÂN THỦ TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp cam kết đã tuân thủ đầy đủ những tiêu chí sau:

1. Trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày đăng ký phân loại đã tuân thủ quy định của pháp luật về chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP và lưu giữ hồ sơ gốc theo quy định của pháp luật:
2. Trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày đăng ký phân loại không vi phạm pháp luật đến mức phải xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP:
3. Trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày đăng ký phân loại không có tên trong danh sách công khai thông tin tổ chức, cá nhân kinh doanh có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế:

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung tại bản đề nghị đăng ký phân loại doanh nghiệp này.

Doanh nghiệp⁽²⁾.....đề nghị⁽¹⁾.....xem xét, phân loại doanh nghiệp./.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP⁽⁵⁾
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

Ghi chú:

- (1) Tên Cơ quan tiếp nhận.
- (2) Tên doanh nghiệp.
- (3) Ghi theo mã số đăng ký của doanh nghiệp.
- (4) Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn; xã/phường/thị trấn; quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi có trụ sở của doanh nghiệp.
- (5) Người đại diện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Mẫu số 02: Thông báo kết quả tiếp nhận hồ sơ đăng ký phân loại doanh nghiệp

.....

.....(1).....

Số:/TB-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2)....., ngàytháng.....năm ...

THÔNG BÁO

Kết quả tiếp nhận hồ sơ đăng ký phân loại doanh nghiệp

Kính gửi⁽³⁾:

Căn cứ quy định tại Thông tư số .../2021/TT-BNNPTNT ngày .../.../2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ.

Ngày... tháng... năm,⁽¹⁾..... nhận được hồ sơ đăng ký phân loại doanh nghiệp của⁽³⁾.....

Sau khi xem xét hồ sơ⁽¹⁾..... thông báo kết quả tiếp nhận đăng ký phân loại doanh nghiệp của⁽³⁾.....như sau:

1. Hồ sơ đăng ký phân loại doanh nghiệp đầy đủ theo quy định

Đề nghị⁽³⁾.....truy cập Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử www.kiemlam.org.vn để biết kết quả phân loại.

- Tên tài khoản⁽⁴⁾:

2. Hồ sơ đăng ký phân loại doanh nghiệp chưa đầy đủ theo quy định

- Hồ sơ còn thiếu:

.....

.....

.....

Đề nghị⁽³⁾..... bổ sung hồ sơ đăng ký phân loại doanh nghiệp theo quy định Thông tư số...../2021/TT-BNNPTNT ngày..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

Ghi chú: Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp sẽ tự động thông báo trong trường hợp đăng ký trực tuyến.

- (1) Tên Cơ quan tiếp nhận.
- (2) Địa danh nơi có trụ sở của Cơ quan tiếp nhận.
- (3) Tên doanh nghiệp.
- (4) Doanh nghiệp truy cập theo hướng dẫn trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp.

Mẫu số 03: Thông báo xác minh thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp

.....

.....
.....(1).....

Số:/TB-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2)....., ngàytháng.....năm ...

THÔNG BÁO

Xác minh thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp

Kính gửi⁽³⁾:

Căn cứ quy định tại Thông tư số/2021/TT-BNNPTNT ngày/..../2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ;

..... (1) thông báo thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp của⁽³⁾..... cần xác minh như sau:

1. Nội dung xác minh

a)

b)

c)

2. Thời gian xác minh: Từ ngày đến ngày

3. Hình thức xác minh:

4. Địa điểm xác minh:

5. Đề nghị xác nhận tham gia xác minh:

- Thời gian xác nhận tham gia trước ngày ... tháng ... năm ... :

- Tên công chức đề doanh nghiệp liên hệ, xác nhận phối hợp/tham gia xác minh⁽⁴⁾:
..... : Số điện thoại : , địa chỉ email:

Đề nghị⁽³⁾..... cử đại diện/xác nhận tham gia để việc xác minh được thực hiện đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

Thủ trưởng cơ quan
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp sẽ tự động thông báo trong trường hợp đăng ký trực tuyến.

(1) Tên Cơ quan tiếp nhận.

(2) Địa danh nơi có trụ sở của Cơ quan tiếp nhận.

(3) Tên doanh nghiệp.

(4) Tên công chức tiếp nhận hồ sơ.

Mẫu số 04: Biên bản xác minh thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Về việc xác minh thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp

Căn cứ quy định Thông tư số.../2021/TT-BNNPTNT ngày.../.../2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm

Tại:

Chúng tôi gồm

I. ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TIẾP NHẬN⁽¹⁾:

1. Ông (bà): Chức danh:

2. Ông (bà): Chức danh:

II. ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN⁽²⁾

1. Ông (bà): Đại diện cơ quan:

2. Ông (bà): Đại diện cơ quan:

III. ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

1. Ông (bà): Đại diện doanh nghiệp⁽³⁾:

2. Ông (bà):

- Thực hiện xác minh thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp của⁽³⁾, kết quả như sau:

3. Thông tin xác minh:

Thông tin chính xác: Thông tin không chính xác:

Lí do:

4. Thông tin xác minh:

Thông tin chính xác: Thông tin không chính xác:

Lí do:

5. Thông tin xác minh:

Thông tin chính xác: Thông tin không chính xác:

Lí do:

6. Thông tin xác minh:

Thông tin chính xác: Thông tin không chính xác:

Lí do:

- Tài liệu thu thập kèm theo:

.....

Việc xác minh thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp được thực hiện đúng quy định, không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của⁽³⁾

Việc xác minh kết thúc vào hồi giờ ngày... tháng ...năm, Biên bản được lập thành bản, các bên tham gia nhất trí thông qua và ký xác nhận./.

Đại diện cơ quan tiếp nhận
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện cơ quan có liên quan
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện cơ quan có liên quan
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan tiếp nhận.

(2) Tùy thuộc tiêu chí cần xác minh, Cơ quan tiếp nhận mời đại diện cơ quan có liên quan tham gia xác minh và lập biên.

(3) Tên doanh nghiệp.

Mẫu số 05: Thông báo kết quả phân loại/chuyển loại doanh nghiệp

.....

..... (1)

Số: /TB-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2)....., ngày....tháng....năm ...

THÔNG BÁO

Kết quả phân loại/chuyển loại doanh nghiệp

Kính gửi⁽³⁾:

Căn cứ quy định tại Thông tư số /2021/TT-BNNPTNT ngày
..... /.../2021 của Bộ trưởng Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất
khẩu gỗ;

⁽¹⁾..... thông báo kết quả phân loại đối với doanh nghiệp⁽³⁾... như sau:

1. Doanh nghiệp đã được xếp loại doanh nghiệp Nhóm I kể từ ngày ... /... /.....
Danh sách doanh nghiệp là doanh nghiệp Nhóm I được đăng trên trang thông tin điện tử:
www.kiemlam.org.vn

2. Doanh nghiệp không được xếp loại Nhóm I/chuyển loại sang doanh nghiệp Nhóm
II kể từ ngày /... /.....; lý do⁽⁴⁾:

1

2

3.

4.

⁽¹⁾.....trên trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:...

Thủ trưởng cơ quan
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp sẽ tự động thông báo trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký trực tuyến.

(1) Tên Cơ quan tiếp nhận.

(2) Địa danh nơi trụ sở của Cơ quan tiếp nhận.

(3) Tên doanh nghiệp.

(4) Ghi rõ lý do không phân loại Nhóm I/chuyển loại sang doanh nghiệp Nhóm II, tiêu chí không bảo đảm theo quy định.

Mẫu số 06: Bảng tổng hợp hồ sơ chứng minh tuân thủ quy định về nguồn gốc gỗ hợp pháp

..... (1)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----- Số:/BTH-.....	-----(2)....., ngày....tháng....năm ...

BẢNG TỔNG HỢP

Hồ sơ chứng minh tuân thủ quy định về nguồn gốc gỗ hợp pháp

Kính gửi⁽³⁾:

Tên doanh nghiệp⁽¹⁾:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ⁽⁴⁾:.....

Điện thoại liên hệ:

Địa chỉ Email:

Căn cứ quy định tại Thông tư số .../2021/TT-BNNPTNT ngày .../.../2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ.

Doanh nghiệp tổng hợp tài liệu chứng minh tuân thủ quy định về nguồn gốc gỗ hợp pháp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày đăng ký phân loại doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Biểu 1. Tổng hợp hồ sơ gỗ khai thác đối với doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ trực tiếp khai thác gỗ làm nguyên liệu chế biến hoặc doanh nghiệp sử dụng gỗ nguyên liệu do doanh nghiệp tự trồng trên đất của doanh nghiệp:

TT	Bảng kê gỗ ⁽⁵⁾			Tên gỗ		Khối lượng theo loại gỗ (m ³)	Thống kê hồ sơ gỗ khai thác ⁽⁶⁾
				Số bảng kê	Ngày lập		
	Tên phổ thông	Tên khoa học					
1							
2							
...							
Tổng							

Biểu 2. Tổng hợp hồ sơ gỗ sau xử lý tịch thu đối với doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ sử dụng gỗ sau tịch thu làm nguyên liệu chế biến:

TT	Bảng kê gỗ ⁽⁵⁾			Tên gỗ		Khối lượng theo loại gỗ (m ³)	Thống kê hồ sơ gỗ tịch thu ⁽⁶⁾
				Số bảng kê	Ngày lập		
	Tên phổ thông	Tên khoa học					
1							
2							
...							
Tổng							

Biểu 3. Tổng hợp hồ sơ hồ sơ gỗ nhập khẩu đối với doanh nghiệp sử dụng gỗ nhập khẩu làm nguyên liệu chế biến:

TT	Bảng kê gỗ ⁽⁵⁾			Tên gỗ		Khối lượng theo loại gỗ (m ³)	Thống kê hồ sơ gỗ nhập khẩu ⁽⁶⁾
				Tên phổ	Tên		

	Số bảng kê	Ngày lập	Đơn vị lập	thông	khoa học		
1							
2							
...							
Tổng							

Biểu 4. Tổng hợp hồ sơ gỗ trong quá trình mua bán, vận chuyển; chế biến:

TT	Bảng kê gỗ ⁽⁵⁾			Tên gỗ		Khối lượng theo loại gỗ (m ³)	Thống kê hồ sơ trong quá trình mua bán, vận chuyển; chế biến ⁽⁶⁾
				Tên phổ thông	Tên khoa học		
	Số bảng kê	Ngày lập	Đơn vị lập				
1							
2							
...							
Tổng							

Doanh nghiệp⁽¹⁾..... cam kết hồ sơ, tài liệu kê khai là đúng theo hồ sơ lưu giữ tại doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã kê khai./.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP⁽⁷⁾

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: .

Ghi chú: Doanh nghiệp tổng hợp hồ sơ đối với những hoạt động có thực hiện trong sản xuất, kinh doanh từ biểu 1 đến biểu 4. Những hoạt động không thực hiện thì gạch chéo trong biểu.

(1) Tên doanh nghiệp.

(2) Địa danh nơi có trụ sở của doanh nghiệp.

(3) Tên Cơ quan tiếp nhận.

(4) Ghi rõ địa chỉ theo giấy đăng ký kinh doanh.

(5) Bảng kê gỗ nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 102/2020/NĐ-CP hoặc bảng kê gỗ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản. Ghi số, ngày bảng kê, tên đơn vị lập bảng kê.

(6) Kê tên loại, ngày tháng ban hành của hồ sơ liên quan đến nguồn gốc gỗ theo quy định tại Nghị định số 102/2020/NĐ-CP hoặc theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

(7) Người đại diện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC II

TÀI LIỆU CHỨNG MINH TUÂN THỦ TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP (Kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP (Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP)	TÀI LIỆU CHỨNG MINH
I	TUÂN THỦ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TRONG VIỆC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP	
1	Tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập doanh nghiệp phải có các loại tài liệu sau:	
a	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp không có vốn đầu tư nước ngoài).	Giấy chứng nhận đăng ký đăng ký doanh nghiệp.
b	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc có yếu tố nước ngoài chiếm 51% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất.	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
2	Tuân thủ quy định của pháp luật về môi trường phải có một trong các loại tài liệu sau:	
a	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với cơ sở chế biến 3 gỗ, dăm gỗ từ gỗ rừng tự nhiên có công suất từ 5.000 m sản phẩm/năm trở lên.	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
b	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh

	môi trường đối với cơ sở sản xuất ván ép có công suất từ 100.000 m ² sản phẩm/năm trở lên.	giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
c	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với cơ sở sản xuất đồ gỗ có tổng diện tích kho bãi, nhà xưởng từ 100.000 m ² trở lên.	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
d	Có kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất có công suất hay diện tích nhỏ hơn công suất hoặc diện tích của các cơ sở sản xuất quy định tại các điểm a, b, c nêu trên.	Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3	Tuân thủ quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy phải có tài liệu sau:	
-	Phương án phòng cháy, chữa cháy theo quy định pháp luật.	Tài liệu chứng minh tuân thủ quy định về phòng cháy và chữa cháy đang có hiệu lực thi hành theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy.
4	Tuân thủ quy định của pháp luật về theo dõi nhập, xuất lâm sản phải có tài liệu sau:	
-	Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản được ghi chép đầy đủ theo đúng quy định pháp luật.	Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý truy xuất nguồn gốc lâm sản trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày đăng ký phân loại doanh nghiệp.
5	Tuân thủ quy định của pháp luật về thuế, lao động phải bảo đảm các tiêu chí sau:	
a	Không có tên trong danh sách công khai thông tin tổ chức, cá nhân kinh doanh có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế.	Tài liệu theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này
b	Có kế hoạch vệ sinh an toàn lao động theo quy định của pháp luật.	Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động đang có hiệu lực thi hành theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động trong năm đăng ký phân loại.
c	Người lao động có tên trong danh sách bảng lương của doanh nghiệp.	Danh sách người lao động kèm theo mã số Bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp từng tháng trong 12 tháng liên tiếp tính đến ngày đăng

		ký phân loại.
d	Niên yết công khai thông tin về đóng bảo hiểm xã hội và y tế đối với người lao động theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.	Bản chụp niên yết công khai thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội và y tế đối với người lao động theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội trong năm đăng ký phân loại.
đ	Người lao động là thành viên tổ chức Công đoàn của doanh nghiệp.	Quyết định thành lập tổ chức công đoàn của doanh nghiệp đang có hiệu lực thi hành hoặc danh sách người lao động là thành viên tổ chức công đoàn của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về Công đoàn trong năm đăng ký phân loại.
II	TUÂN THỦ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ NGUỒN GỐC GỠ HỢP PHÁP	
1	Tuân thủ quy định của pháp luật về hồ sơ khai thác gỗ đối với doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ trực tiếp khai thác gỗ làm nguyên liệu chế biến:	Bảng tổng hợp hồ sơ gỗ khai thác theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
a	Chấp hành quy định về trình tự, thủ tục khai thác gỗ.	
b	Bảng kê gỗ theo quy định của pháp luật.	
c	Bản sao hồ sơ nguồn gốc gỗ khai thác.	
2	Tuân thủ quy định của pháp luật về hồ sơ gỗ sau xử lý tịch thu đối với doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ sử dụng gỗ sau tịch thu làm nguyên liệu chế biến:	Bảng tổng hợp hồ sơ gỗ sau xử lý tịch thu theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
a	Bảng kê gỗ theo quy định của pháp luật.	
b	Bản sao hồ sơ gỗ sau xử lý tịch thu.	
3	Tuân thủ quy định của pháp luật về hồ sơ gỗ nhập khẩu đối với doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ sử dụng gỗ nhập khẩu làm nguyên liệu chế biến:	Bảng tổng hợp hồ sơ hồ sơ gỗ nhập khẩu theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
a	Bảng kê gỗ theo quy định của pháp luật.	
b	Bản sao hồ sơ gỗ nhập khẩu.	
4	Tuân thủ quy định của pháp luật về hồ sơ trong quá trình mua bán, vận chuyển; chế biến:	Bảng tổng hợp hồ sơ gỗ trong quá trình mua bán, vận chuyển; chế biến theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban
a	Bảng kê gỗ theo quy định của pháp luật.	

b	Bản sao hồ sơ nguồn gốc gỗ.	hành kèm theo Thông tư này.
5	Tuân thủ quy định của pháp luật về hồ sơ gỗ đối với doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu sử dụng gỗ nguyên liệu do doanh nghiệp tự trồng trên đất của doanh nghiệp:	
a	Tuân thủ với các quy định pháp luật về quyền sử dụng đất và quyền sử dụng rừng.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sử dụng rừng theo quy định của pháp luật về đất đai và lâm nghiệp.
b	Bản sao hồ sơ gỗ khai thác theo quy định của pháp luật.	Bảng tổng hợp hồ sơ gỗ khai thác theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Ghi chú:

(1) Tài liệu theo Mẫu số 01 và bảng tổng hợp hồ sơ theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này là bản chính; các tài liệu khác là bản phô tô hoặc bản chụp. Trường hợp đăng ký trực tuyến, doanh nghiệp nghiệp scan, đính kèm lên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp lâm căn cứ chứng minh tuân thủ tiêu chí.

(2) Sở nhập, xuất lâm sản đóng dấu treo của doanh nghiệp khi nộp trực tiếp; trường hợp nộp trực tuyến theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này thì doanh nghiệp chốt số liệu, ký, đóng dấu điện tử.

1 Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017; Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp;”.

2 Điều 14 Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024, quy định như sau:

“Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư nếu có khó khăn, vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để hướng dẫn, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.”

3 Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng công báo và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ NN&PTNT;
- Cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, KL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Quốc Trị